

Sông Công, ngày 16 tháng 11 năm 2021

Số: 120/ 2021/ QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 88/ 2021/ TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1950; trú tại: Xóm B, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Phạm Thị Hồng Vân – Luật sư, Công ty Luật TNHH Phạm Vân.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1952; trú tại: xóm B, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1976; trú tại: xóm B, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978; trú tại: xóm B, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Đồng Thị Bích; trú tại: xóm N, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị H có 04 con chung là: Nguyễn Việt Hồng, sinh năm 1976; Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1978; Nguyễn Văn Thân, sinh năm 1980; Nguyễn Thị Thu Thúy, sinh năm 1983. Các con chung đều đã thành niên, đủ năng lực hành vi dân sự, đủ khả năng lao động và tài sản để nuôi sống mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản chung*:

- Thống nhất về giáp ranh thửa đất số 18, 18a tờ bản đồ số 8 – IV và các thửa đất liền kề:

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Đỗ Thị H và anh Nguyễn Việt H thống nhất giáp ranh thửa đất số 18, 18a tờ bản đồ số 8 – IV và đất thuộc quyền sử dụng của gia đình anh Hồng là đoạn nối từ điểm 1 đến 2 đến 3 trên sơ đồ trích đo hiện trạng;

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Đỗ Thị H và anh Nguyễn Văn Q thống nhất giáp ranh thửa đất số 18a tờ bản đồ số 8 – IV và đất thuộc quyền sử dụng của gia đình anh Quân là đoạn nối từ điểm 6 đến 7 đến 8 trên sơ đồ trích đo hiện trạng;

+ Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Đỗ Thị H và bà Đồng Thị B thống nhất giáp ranh thửa đất số 18a tờ bản đồ số 8 – IV và đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Bích là đoạn nối từ điểm 3 đến 4 đến 5 đến 6 trên sơ đồ trích đo hiện trạng;

- Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị H nhất trí thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn, cụ thể như sau:

+ Giao cho ông Nguyễn Xuân Đ được quyền sử dụng phần diện tích đất nằm trong hình nối liền các điểm từ 1 đến 2 đến 10 đến 11 đến 12 đến 13 đến 14 đến 9 đến 1, tổng diện tích $S(1,2,10,11,12,13,14,9) = 300m^2$, gồm 50m² đất ONT và 250m² đất CLN thuộc thửa đất số 18, 18a tờ bản đồ số 48 – I và toàn bộ công trình xây dựng, cây cối trên phần đất này.

+ Giao cho bà Đỗ Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất nằm trong hình nối liền các điểm từ 2 đến 3 đến 4 đến 5 đến 6 đến 7 đến 8 đến 14 đến 13 đến 12 đến 11 đến 10 đến 2, tổng diện tích $S(2,3,4,5,6,7,8,14,13,12,11,10) = 960,8m^2$, gồm 150m² đất ONT và 810,8m² đất CLN thuộc thửa đất số 18, 18a tờ bản đồ số 48 – I và toàn bộ công trình xây dựng, cây cối trên phần đất này.

(Cụ thể có sơ đồ hiện trạng kèm theo Quyết định).

* *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về chi phí tố tụng*: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và đo đạc là 8.000.000 đồng. Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị H thỏa thuận, ông Đ chịu số tiền 5.000.000 đồng, bà H chịu 3.000.000 đồng.

Ông Đ đã nộp 8.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định; định giá và đo đạc tài sản tranh chấp (đã chi phí hết). Bà H có trách nhiệm trả cho ông Đ 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

* Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị H đều là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí. Xét miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đỗ Thị H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND xã B;
- Cc THSDS TP. Sông Công
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Văn Phong